

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN
TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN GDCD, KHỐI LỚP 6 - BỘ SÁCH CÁNH DIỀU
(Năm học 2025 - 2026)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 06 ; Số học sinh: 270; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): không

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 02; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 02; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên¹: Tốt: 02 ; Khá: 0 ; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính	06		
2	Bảng thông minh	06		
3	Tranh, ảnh			
4				

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Sân thể dục	1	Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm	- Học sinh biết thực hiện một số bước đơn giản và phù hợp để phòng, tránh và ứng phó với các tình huống nguy hiểm.

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GDCD LỚP 6 – BỘ CÁNH DIỀU

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (4)
1	Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	2	1. Kiến thức: - Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ. - Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ. - Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể phù hợp (thực hiện quyền giữ gìn, phát huy bản sắc truyền thống) 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện theo các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch không ngừng phát huy, nâng cao các trị truyền thống tốt đẹp. 3. Phẩm chất: - Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động để phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ. - Nhân ái: Trân trọng những giá trị tốt đẹp mà các thế hệ đi trước đã xây dựng. - Trách nhiệm: Có ý thức tìm hiểu, kế thừa và phát huy các truyền thống tốt đẹp của gia đình dòng họ.	Tích hợp - GD địa phương. - Quyền con người: Quyền được bày tỏ ý kiến và hội họp; Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc. - GD đạo đức
2	Bài 2: Yêu thương con người	3	1. Kiến thức: - Nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người. - Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người. - Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người. - Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương của người khác. - Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người. 2. Năng lực: Học sinh được phát triển các năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những chuẩn mực đạo	- Tích hợp Quyền con người: Quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền của trẻ em khuyết tật (quyền của nhóm xã hội dễ bị tổn thương) - Tiết học trực tuyến - GD đạo đức

			đức, những giá trị truyền thống của tình yêu thương con người. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy những giá trị về tình yêu thương con người theo chuẩn mực đạo đức của xã hội. - Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Tích cực tham gia các hoạt động nhằm góp phần vào việc lan tỏa các giá trị về tình yêu thương con người. 3. Phẩm chất: - Yêu nước: Có ý thức tìm hiểu làm theo các giá trị đạo đức của dân tộc. - Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập. - Trách nhiệm: Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động để phát huy truyền thống yêu thương con người.	
3	Bài 3: Siêng năng, kiên trì	3	1. Kiến thức: - Nêu được khái niệm, biểu hiện của siêng năng, kiên trì. - Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì. - Siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày. - Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được vai trò của việc siêng năng, kiên trì, tích cực học tập, rèn luyện để đáp ứng các nhu cầu của bản. - Năng lực phát triển bản thân. Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Kiên trì, cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân. - Trách nhiệm: Tích cực tham gia các hoạt động tập thể.	Tích hợp Quyền con người: quyền được phát triển, quyền được giáo dục và phát triển năng khiếu, quyền của trẻ em dân tộc thiểu số; quyền trẻ em khuyết tật. Có ý thức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. - GD đạo đức

4	Kiểm tra giữa học kì 1	1	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập 3. Phẩm chất: - Trung thực: Tự giác học và làm bài kiểm tra. - Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra.	
5	Bài 4: Tôn trọng sự thật.	2	1. Kiến thức: - Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật. - Hiểu vì sao phải tôn trọng sự thật. - Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. - Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật. 2. Năng lực - Năng lực điều chỉnh hành vi: Tự giác thực hiện một cách đúng đắn những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống. - Năng lực phát triển bản thân: Kiên trì, trung thực trong học tập và rèn luyện. 3. Phẩm chất: - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân. - Trách nhiệm: Thực hiện đúng nội quy nơi công cộng; chấp hành tốt pháp luật, khách quan công bằng với công việc chung và mọi người.	Tích hợp - Quyền con người: Quyền được bảo vệ, Quyền được tiếp cận thông tin - Tích hợp QPAN: Giới thiệu về lịch sử của Quân Đội Nhân Dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam. - Phòng chống tham nhũng - GD đạo đức

6	Bài 5: Tự lập	2	1. Kiến thức: - Nêu được khái niệm tự lập. - Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập. - Hiểu vì sao phải tự lập. - Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác. - Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể trường và trong cuộc sống cộng đồng; không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộc vào người khác. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Có kiến thức cơ bản để tự nhận thức, tự quản lí, tự bảo vệ bản thân. - Năng lực phát triển bản thân: Hoàn thiện nhằm nâng cao giá trị bản thân, đạt được những mục tiêu cuộc sống phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. - Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Luôn cố gắng tự mình vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tham gia công việc lao động, sản xuất trong gia đình theo yêu cầu thực tế, phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tôn trọng lẽ phải, bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người, khách quan, công bằng trong nhận thức.	- Tiết học trực tuyến - GD đạo đức
7	Bài 6: Tự nhận thức bản thân	1	1. Kiến thức: - Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân. - Nhận biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân. - Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân. - Biết tôn trọng bản thân - Xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân. 2. Năng lực:	Tích hợp Quyền con người: Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu; Quyền bình đẳng giới. - GD đạo đức

			- Năng lực điều chỉnh hành vi: Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống. - Năng lực phát triển bản thân: Biết lập và thực hiện kế hoạch khắc phục những hạn chế của bản thân. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia các hoạt động tập thể, cộng đồng trong học tập và sinh hoạt. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân. - Trách nhiệm: Tự đánh giá và dám chịu trách nhiệm về hành vi việc làm của mình.	
8	Ôn tập học kì 1	1	1. Kiến thức: - Biết được những kiến thức đã học về chuẩn mực đạo đức. - Hiểu được ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội - củng cố các kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 6. 2. Năng lực: - Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề: Chủ động, tự giác giải quyết bài tập, câu hỏi, xây dựng đề cương ôn tập. - Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi: Điều chỉnh và đưa ra phương pháp ôn tập hiệu quả, phù hợp. 3. Phẩm chất: - Tự chủ, tự tin, trung thực: Tự giác, trung thực làm bài kiểm tra.	
9	Kiểm tra cuối học kì 1	1	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù	

			hợp cho qua trình học tập. 3. Phẩm chất: - Trung thực: Tự giác học và làm bài kiểm tra. - Trách nhiệm: Hoàn thành tốt kiến thức, nội dung môn học.	
10	Bài 6: Tự nhận thức bản thân	1	1. Kiến thức: - Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân. - Nhận biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân. - Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân. - Biết tôn trọng bản thân - Xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống. - Năng lực phát triển bản thân: Biết lập và thực hiện kế hoạch khắc phục những hạn chế của bản thân. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia các hoạt động tập thể, cộng đồng trong học tập và sinh hoạt. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân. - Trách nhiệm: Tự đánh giá và dám chịu trách nhiệm về hành vi việc làm của mình.	Tích hợp Quyền con người: Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu; Quyền bình đẳng giới. - GD đạo đức
11	Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm từ con người	3	1. Kiến thức: - Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm từ con người - Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm từ con người - Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm từ con người để đảm bảo an toàn. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những kỹ năng sống cơ	Tích hợp Quyền con người: Quyền sống, Quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục, Quyền được bảo vệ không bị bóc lột sức lao động, Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc, Quyền

			bản, phù hợp với lứa tuổi Năng lực phát triển bản thân trang bị cho bản thân những kỹ năng sống cơ bản như để thích ứng, điều chỉnh và hòa nhập với cuộc sống. - Năng lực tự chủ và tự học: Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng sống cơ bản đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong cuộc sống. - Năng lực giải quyết vấn đề: Phát hiện và giải quyết được những tình huống phát sinh trong cuộc sống hàng ngày. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hàng ngày. - Trách nhiệm: Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, phản đối những hành vi phá hoại môi trường thiên nhiên.	được bảo vệ để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt, Quyền được bảo vệ khỏi chất ma túy, Quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang. Lồng ghép QPAN: Cách đánh mưu trí, sáng tạo của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm - GD đạo đức
12	Bài 8: Ứng phó với tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên	2	1. Kiến thức: - Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên. - Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên. - Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên để đảm bảo an toàn. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những kỹ năng sống cơ bản, phù hợp với lứa tuổi. - Năng lực phát triển bản thân: Trang bị cho bản thân những kỹ năng sống cơ bản như để thích ứng, điều chỉnh và hòa nhập với cuộc sống. - Năng lực tự chủ và tự học: Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng sống cơ bản phát hiện và giải quyết được những tình huống phát sinh trong cuộc sống hàng ngày. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách	- Tích hợp Quyền con người: Quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường - GD đạo đức

			báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày. - Trách nhiệm: có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên.	
13	Bài 9: Tiết kiệm	3	1. Kiến thức: - Nêu được khái niệm tiết kiệm và biểu hiện của tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện, nước...). - Hiểu vì sao phải tiết kiệm. - Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập. - Nhận xét, đánh giá được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh. - Phê phán những biểu hiện lãng phí. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lý tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh, tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước, bước đầu biết quản lý tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lý. - Năng lực phát triển bản thân: Có kế hoạch học tập và rèn luyện, tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày; thực hiện được việc quản lý và chi tiêu tiền hợp lý. - Năng lực tự chủ và tự học: Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập và đời sống, không đua đòi ăn diện lãng phí, nghịch ngợm, hiểu được vai trò của tiết kiệm - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Lập được kế hoạch thời gian, chi tiêu hợp lý phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của bản thân, gia đình và xã hội. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Có ý thức học tập, lao động không lãng phí thời gian, tiền của. - Trung thực: Biết tiết kiệm của cải, trân trọng những giá trị vật chất do mình và mọi người tạo ra. - Trách nhiệm: Có thói quen chi tiêu và sử dụng hợp lý tiết kiệm tiền bạc và của cải vật chất của mình và mọi người.	Tích hợp: - Phòng chống tham nhũng - Quyền con người: nhóm quyền kinh tế, xã hội và văn hóa trong việc tìm hiểu biểu hiện và nhận xét đánh giá hành vi của tiết kiệm, lãng phí - Sử dụng năng lượng tiết kiệm BVMT - GD đạo đức

14	Kiểm tra giữa học kì 2	1	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học. - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập. 3. Phẩm chất: - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp. - Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra.	-
15	Bài 10: Công dân nước Cộng hòa XHCN Việt Nam	3	1. Kiến thức: - Nêu được khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. - Bước đầu thực hiện được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những khái niệm pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó. - Năng lực phát triển bản thân: Xác định được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân nước cộng hòa XHCN Việt Nam. Có ý thức tìm hiểu pháp luật, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật	- Tích hợp Quyền con người: mối quan hệ giữa quyền công dân và quyền con người trong pháp luật. - Tích hợp QPAN: Giới thiệu về truyền thống của Quân Đội Nhân Dân Việt Nam - GD đạo đức

			- Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về pháp luật; nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan pháp luật, kỹ năng sống. Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo vì cộng đồng. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân giải quyết được một cách phù hợp các tình huống trong đời sống. 3. Phẩm chất: - Yêu nước: Tích cực, chủ động thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, tôn trọng các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. - Nhân ái: tôn trọng các quyền và nghĩa vụ cơ bản của người khác, không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xuý, không tham gia các hành vi bạo lực; - Trung thực: Tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người, khách quan, công bằng trong nhận thức, ứng xử; không xâm phạm của công; đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.	
16	Bài 11: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.	2	1. Kiến thức: - Nêu được những quy định của Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân - Thực hiện được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân phù hợp với lứa tuổi. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được quy định của pháp luật phổ thông, về quyền và nghĩa vụ của công dân và ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó. Tự giác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của người khác - Năng lực phát triển bản thân: Có kế hoạch để thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, vào những việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. - Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được	- Tích hợp Quyền con người: Quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em

			một số kiến thức phổ thông, cơ bản về pháp luật; nhận biết được một số sự kiện, liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. 3. Phẩm chất: - Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt. - Nhân ái: Tôn trọng quyền và nghĩa vụ của mọi người, cùng nhau thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân nhằm xây dựng các quan hệ tốt đẹp và lành mạnh. - Trung thực: Biết tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải công bằng trong nhận thức, ứng xử; không xâm phạm đến quyền và nghĩa vụ công dân của người khác.	
17	Ôn tập học kì 2	1	1. Kiến thức: - Biết được những kiến thức đã học về kỹ năng sống, kinh tế và pháp luật. - Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn - Củng cố các kiến thức đã học từ bài 7 đến bài 11. 2. Năng lực: - Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề: Tự giác ôn tập, giải quyết bài tập nội dung môn học. - Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi: Đánh giá và đưa ra phương pháp học tập phù hợp, hiệu quả. 3. Phẩm chất: - Tự chủ, tự tin, trung thực: Tích cực, tự giác ôn tập nội dung, kiến thức đã được học.	
18	Kiểm tra cuối học kì 2	1	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học	

			để giải quyết nhiệm vụ học tập. - Năng lực phát triển bản thân: Đánh giá được khả năng học tập của bản thân để có kế hoạch học tập phù hợp, hiệu quả. 3. Phẩm chất: - Trung thực: Nghiêm túc, tự giác học và làm bài kiểm tra. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong học tập bộ môn.	
19	Bài 12: Quyền trẻ em	2	1. Kiến thức: - Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em; ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em; trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em. - Phân biệt được hành vi thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng; bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt hơn quyền trẻ em. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được các quyền trẻ em, tích cực tham gia thực hiện quyền trẻ em của bản thân thành những việc làm phù hợp lứa tuổi. - Năng lực phát triển bản thân: Biết vận dụng tốt các quyền trẻ em cho phù hợp với bản thân. 3. Phẩm chất: - Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền trẻ em cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt quyền của trẻ em. - Trung thực: Tôn trọng lẽ phải; bảo vệ các quyền lợi chính đáng của trẻ em. Lên án, đấu tranh với các hành vi xâm phạm quyền của trẻ em.	- Tích hợp Quyền con người: quyền trẻ em. Luật Bình đẳng giới 2006 - GD đạo đức - Tiết học thư viện

3. Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 (Tiết 9 KHDH)	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy	Kiểm tra giấy (50% trắc nghiệm; 50% tự luận)

			sinh trong thực tiễn cuộc sống. 2. Năng lực: - <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập 3. Phẩm chất: - <i>Trung thực:</i> Tự giác học và làm bài kiểm tra. - <i>Trách nhiệm:</i> Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra	
Cuối học kỳ 1	45 phút	Tuần 16 (tiết 16 KHDH)	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. 2. Năng lực: - <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập. 3. Phẩm chất: - <i>Trung thực:</i> Tự giác học và làm bài kiểm tra. - <i>Trách nhiệm:</i> Hoàn thành tốt kiến thức, nội dung môn học. - <i>Chăm chỉ:</i> hoàn thành yêu cầu của đề	Kiểm tra giấy (50% trắc nghiệm; 50% tự luận)
Giữa học kỳ 2	45 phút	Tuần 26 (tiết 26 KHDH)	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học. - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.	Kiểm tra giấy (50% trắc nghiệm; 50% tự luận)

			2. Năng lực: - <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập. 3. Phẩm chất: - <i>Trung thực:</i> Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp. - <i>Trách nhiệm:</i> Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra.	
Cuối học kỳ 2	45 phút	Tuần 33 (Tiết 33 KHDH)	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Năng lực: - <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập. - <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Đánh giá được khả năng học tập của bản thân để có kế hoạch học tập phù hợp, hiệu quả. 3. Phẩm chất: - <i>Trung thực:</i> Nghiêm túc, tự giác học và làm bài kiểm tra. - <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm trong học tập bộ môn.	Kiểm tra giấy (50% trắc nghiệm; 50% tự luận)

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN GDCD KHỐI LỚP 7- BỘ SÁCH CÁNH DIỀU
(Năm học 2025 - 2026)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 08; **Số học sinh:** 316; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có): không

2. Tình hình đội ngũ: **Số giáo viên:** 02; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: không, Đại học: 02; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 02 ; Khá: không ; Đạt: không; Chưa đạt: không

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Bài dạy/bài thí nghiệm thực hành	Ghi chú
1	- Bộ tranh minh họa về các truyền thống tốt đẹp của quê hương, hình ảnh đẹp về những việc làm tốt thể hiện sự quan tâm, chia sẻ, di sản văn hoá, hình ảnh bạo lực học đường và các tệ nạn xã hội. Bộ tranh về tấm gương, việc làm tự giác học tập	bộ	- Bài 1: Tự hào về truyền thống quê hương. - Bài 2: Quan tâm, cảm thông, chia sẻ - Bài 3: Học tập, tự giác và tích cực - Bài 5: Bảo tồn di sản văn hóa. - Bài 7: Phòng, chống bạo lực học đường. - Bài 9: Phòng, chống tệ nạn xã hội.	
2	- Máy tính, bảng thông minh, máy chiếu, giấy A ₀ , bút lông, Video, tình huống có các nội dung liên quan đến tất cả các chủ đề.	bộ	Tất cả các chủ đề.	
3	- Luật giáo dục về phòng chống bạo lực học đường, Luật về trách nhiệm trong việc phòng chống tệ nạn xã hội. Bộ luật Hôn nhân và gia đình, Tài liệu về Luật gia đình	bộ	Bài 7: Phòng chống bạo lực học đường Bài 9: Phòng chống tệ nạn xã hội Bài 10: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong gia đình	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GDCD LỚP 7 – BỘ SÁCH CÁNH DIỀU

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (4)
1	Bài 1: Tự hào về truyền thống quê hương.	2	1. Kiến thức: - Nêu được một số truyền thống văn hóa, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương. - Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương. - Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương. 2. Năng lực: - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận nhằm giới thiệu được một số truyền thống văn hóa, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương. - Điều chỉnh hành vi: + Đồng tình, ủng hộ những việc làm giữ gìn truyền thống tốt đẹp của quê hương; Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương. - Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện một số hoạt động giữ gìn truyền thống tốt đẹp của quê hương. - Năng lực phát triển bản thân: Lập kế hoạch thực hiện một việc là giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương và kiên trì thực hiện theo kế hoạch đã lập. 3. Phẩm chất: - Yêu nước, trách nhiệm: Có ý thức tìm hiểu truyền thống của quê hương. Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động để giữ gìn và phát huy truyền thống của quê hương.. - Nhân ái: Trân trọng những giá trị tốt đẹp mà các thế hệ đi trước đã xây dựng. Tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn truyền thống quê hương. Tôn trọng và chấp hành nghiêm túc nội	Tích hợp: - Giáo dục địa phương: Nội dung tích hợp NQ17 về văn hóa và con người Quảng Ninh - Quyền con người: Trẻ em có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống văn hoá, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình. - QPAN: Giới thiệu hoạt động hình ảnh về bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam - Tiết học trực tuyến - GD đạo đức

			quy khi tham gia các sinh hoạt cộng đồng, lễ hội tại địa phương.	
2	Bài 2: Bảo tồn di sản văn hóa.	3	1. Kiến thức: - Nêu được khái niệm di sản văn hóa và một số loại di sản văn hóa Việt nam - Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội. - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hóa. - Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hóa. - Liệt kê các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa và cách đấu tranh, ngăn chặn những hành vi đó. -Thực hiện một số việc làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hóa 2. Năng lực: - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết quan sát hình ảnh và ngôn ngữ để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận để làm rõ khái niệm di sản văn hóa và một số di sản của Việt nam. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết nhận xét, đánh giá các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa; đề xuất được cách giải quyết, xử lí những trường hợp vi phạm. - Năng lực điều chỉnh hành vi: + Đánh giá được hành vi đúng sai của mình và của người khác trong việc bảo vệ di sản văn hóa; nêu được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa. + Biết phê phán, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa. + Tự giác thực hiện những quy định của pháp luật về bảo vệ các di sản văn hoá phù hợp với lứa tuổi 3. Phẩm chất: - Yêu nước: Có ý thức tìm hiểu di sản văn hóa của đất nước; tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ di sản văn hóa. - Trách nhiệm: Tôn trọng pháp luật về bảo vệ các di sản văn	- Tích hợp giáo dục Lịch sử Đảng bộ địa phương. Nội dung tích hợp NQ17 về văn hóa và con người Quảng Ninh - GD đạo đức - Tiết học thư viện

			hoá; thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hóa.	
3	Bài 3: Quan tâm cảm thông và chia sẻ	3	1. Kiến thức: - Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông chia sẻ với người khác. - Hiểu được vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau - Thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm cảm thông chia sẻ với mọi người. - Khích lệ động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; phê phán thói ích kỷ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác. 2. Năng lực: - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết quan sát hình ảnh và ngôn ngữ để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận nhằm nêu được những biểu hiện của quan tâm, cảm thông và chia sẻ. - Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế- xã hội: + Nhận biết được các biểu hiện quan tâm, cảm thông và chia sẻ trong xã hội + Biết thu thập, tìm hiểu các biểu hiện đúng và các biểu hiện sai về quan tâm, cảm thông và chia sẻ trong cộng đồng xã hội. + Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia vào một số trường hợp cần quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người trong cộng đồng. - Năng lực điều chỉnh hành vi: + Đánh giá được hành vi đúng sai của mình và của người khác trong việc quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người khác. + Thực hiện được những lời nói, việc làm thể hiện quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người. - Năng lực phát triển bản thân: Lập được kế hoạch thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động phù hợp. 3. Phẩm chất:	Tích hợp Quyền con người: Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng - GD đạo đức

			- Nhân ái: Quan tâm, cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người. - Trách nhiệm: Phê phán thói ích kỉ thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.	
4	Kiểm tra giữa học kì 1	1	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học. - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập 3. Phẩm chất: - Trung thực: Tự giác học và làm bài kiểm tra. - Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra	
5	Bài 4: Học tập tự giác, tích cực	2	1. Kiến thức: - Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực. - Hiểu vì sao phải học tập tự giác tích cực. - Biết góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này. 2. Năng lực - Năng lực tự chủ và tự học: Tự giác học tập, lao động, thực hiện được những việc làm thể hiện sự tự giác, tích cực. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những những giá trị tốt đẹp của học tập tự giác, tích cực. Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, điều chỉnh bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống nhằm phát huy giá trị to lớn của tự	Tích hợp Quyền con người: Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu - GD đạo đức

			giác, tích cực. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy khả năng học tập tự giác, tích cực. Xác định được lý tưởng sống của bản thân, lập kế hoạch học tập và rèn luyện, xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân. - Năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề: Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm góp phần lan tỏa giá trị của tự giác, tích cực. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Luôn cố gắng lên, chủ động để đạt kết quả tốt trong học tập. Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo vào học tập và đời sống hằng ngày. - Trách nhiệm: Tích cực hoàn thành nhiệm vụ học tập	
6	Bài 6: Quản lý tiền	3	1. Kiến thức: - Nêu được ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả - Nhận biết được một số nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả - Bước đầu biết quản lý tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Bước đầu biết quản lý tiền thông qua việc sử dụng tiền hiệu quả để đạt được mục tiêu của bản thân. - Năng lực phát triển bản thân: Có kế hoạch để quản lý tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân, kiên trì với mục tiêu, kế hoạch đã đề ra. - Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Sử dụng hiệu quả và đúng kế hoạch khoản thu nhập của bản thân trong các hoạt động cá nhân, trong gia đình và ngoài xã hội. 3. Phẩm chất - Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bản thân về thu nhập cá nhân - Nhân ái: có kế hoạch sử dụng tiền vào các hoạt động quyền	- GD đạo đức

			góp, ủng hộ giúp đỡ các cá nhân và tập thể khi cần thiết. - Trách nhiệm: Tự giác thực hiện kế hoạch quản lý tiền mà bản thân đã đề ra ..	
7	Ôn tập học kì 1	1	1. Kiến thức: - Biết được những kiến thức đã học về chuẩn mực đạo đức. - Hiểu được ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội - củng cố các kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 6. 2. Năng lực: - Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề: Chủ động, tự giác giải quyết bài tập, câu hỏi, xây dựng đề cương ôn tập. - Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi: Điều chỉnh và đưa ra phương pháp ôn tập hiệu quả, phù hợp. 3. Phẩm chất: - Tự chủ, tự tin, trung thực: Tự giác, trung thực làm bài kiểm tra.	
8	Kiểm tra cuối học kì 1	1	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập. 3. Phẩm chất: - Trung thực: Tự giác học và làm bài kiểm tra. - Trách nhiệm: Hoàn thành tốt kiến thức, nội dung môn học.	
9	Bài 5: Giữ chữ tín	2	1. Kiến thức: - Hiểu được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao	- GD đạo đức

		phải giữ chữ tín. - Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín. - Luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm - Phê phán những người không giữ chữ tín. 2. Năng lực: - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết quan sát và sử dụng ngôn ngữ để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận về chữ tín, những biểu hiện và sự cần thiết của giữ chữ tín. - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo: Biết phân tích, tóm tắt thông tin liên qua đến chữ tín và việc giữ chữ tín; biết xử lý các tình huống, vấn đề giữ chữ tín trong cuộc sống - Năng lực điều chỉnh hành vi: + Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín; đồng tình ủng hộ những người biết giữ chữ tín, phê phán những người không biết giữ chữ tín. + Tự thực hiện và nhắc nhở bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi cho phù hợp với giữ chữ tín và luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè. - Năng lực phát triển bản thân: Lập được kế hoạch rèn luyện lối sống có trách nhiệm để tạo dựng lòng tin với cha mẹ, thầy cô và bạn bè. 3. Phẩm chất: - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm. - Trách nhiệm: Quan tâm đến công việc của gia đình; tích cực tham gia các hoạt động tập thể.	
		1. Kiến thức: - Nêu được các tình huống gây ra căng thẳng. - Nhận biết được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng. - Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng. - Thực hành được một số cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những tình	- GD đạo đức

11	Bài 7: Ứng phó với tâm lý căng thẳng	3	huống gây căng thẳng để điều chỉnh hành vi. - Năng lực phát triển bản thân: Trang bị cho bản thân những kỹ năng sống cơ bản để thích ứng, điều chỉnh và hòa nhập với cuộc sống. Tránh gặp phải tình huống tâm lý căng thẳng. - Năng lực tự chủ và tự học: Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng sống cơ bản đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết tình huống tâm lý căng thẳng trong cuộc sống. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện và giải quyết được những tình huống tâm lý căng thẳng trong cuộc sống. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm: Biết bảo vệ bản thân. Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động ứng phó với tâm lý căng thẳng.	
12	Bài 8: Bạo lực học đường	2	1. Kiến thức: - Nêu được biểu hiện của bạo lực học đường - Nêu được nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những tình huống gây bạo lực để điều chỉnh hành vi. - Năng lực phát triển bản thân: Trang bị cho bản thân những kỹ năng sống cơ bản để thích ứng, điều chỉnh và hòa nhập với cuộc sống. Tránh gặp phải tình huống bạo lực căng thẳng. - Hợp tác, giải quyết vấn đề: Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng sống cơ bản đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết tình huống tâm lý căng thẳng trong cuộc sống. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện và giải quyết được những tình huống bạo lực trong cuộc sống. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết xác định công việc, biết sử	- Lòng ghép QPAN: một số nội dung về bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia mạng xã hội. - GD đạo đức - Tiết học trực tuyến

			dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn. 3. Phẩm chất: - Trách nhiệm: Biết bảo vệ bản thân. Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động ứng phó với tâm lý căng thẳng bạo lực. - Nhân ái: lòng yêu thương bạn bè và mọi người	
13	Bài 9: Ứng phó với bạo lực học đường	2	1. Kiến thức: - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng chống bạo lực học đường. - Biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường. - Tham gia các hoạt động tuyên truyền, phòng chống bạo lực học đường do nhà trường và địa phương tổ chức. - Phê phán đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường; sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: + Nhận biết được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường, một số cách để phòng, tránh và ứng phó với bạo lực học đường + Đánh giá được hành vi của bản thân và người khác liên quan đến bạo lực học đường, biết điều chỉnh hành vi của bản thân nhằm phòng, tránh và ứng phó, sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường. - Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế- xã hội: Tham gia được các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức. 3. Phẩm chất: - Nhân ái, trách nhiệm, trung thực: Tôn trọng sự khác biệt giữa con người, cảm thông, độ lượng khi đánh giá, xử lý các tình huống bất đồng, mâu thuẫn, không đon tính, lên án các hành vi	Tích hợp: - Quyền con người: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, Quyền bí mật về đời sống riêng tư. - Lòng ghép QPAN: Trách nhiệm của học sinh khi tham gia phòng chống BLHĐ. - GD đạo đức

			bạo lực học đường; tôn trọng lễ phải, lên án những hành vi bạo lực học đường.	
14	Kiểm tra giữa học kì 2	1	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học. - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập. 3. Phẩm chất: - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp. - Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra.	-
15	Bài 10: Tệ nạn xã hội	2	1. Kiến thức: - Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến. - Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân gia đình và xã hội 2. Năng lực - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để hiểu được thế nào là tệ nạn xã hội, nguyên nhân và hậu quả của tệ nạn xã hội. - Năng lực điều chỉnh hành vi: + Có hiểu biết cơ bản về tệ nạn xã hội, nguyên nhân và hậu quả	- Tích hợp phòng chống tham nhũng - Nội dung tích hợp NQ17 về văn hóa và con người Quảng Ninh - GD đạo đức

			của tệ nạn xã hội để bảo vệ bản thân. + Đánh giá được hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội. + Tự điều chỉnh bản thân, nhắc nhở và giúp đỡ mọi người không mắc vào tệ nạn xã hội. - Năng lực phát triển bản thân: Lập kế hoạch xây dựng môi trường sống lành mạnh để không mắc vào tệ nạn xã hội. - Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: 3. Phẩm chất: - Nhân ái: Không kì thị, sẵn sàng giúp đỡ người mắc tệ nạn xã hội. - Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ bản thân trước những tệ nạn xã hội. Tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội ở nhà trường và địa phương tổ chức.	
16	Bài 11: Thực hiện phòng chống tệ nạn xã hội	3	1. Kiến thức: - Nêu được những quy định của pháp luật và phòng, chống tệ nạn xã hội. - Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội. - Tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường và địa phương tổ chức. - Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội; tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: - Đánh giá được tác hại của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội. - Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội. - Tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội. - Năng lực phát triển bản thân: Biết thu thập và xử lý các thông tin về quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.	Tích hợp: - Quyền con người: Trẻ em có quyền được bảo vệ khỏi mọi hình thức sử dụng, sản xuất, vận chuyển, mua, bán, tàng trữ trái phép chất ma túy. - Lồng ghép QPAN: Tác hại của TNXH tác động đến mọi mặt của xã hội.

			Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội - Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức. 3. Phẩm chất: - Trung thực: Biết phê phán đấu tranh với các tệ nạn xã hội. - Trách nhiệm: Tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội. - Yêu nước: Nghiêm chỉnh chấp hành quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội để xây dựng xã hội giàu đẹp, văn minh.	
17	Ôn tập học kì 2	1	1. Kiến thức: - Giúp HS nắm kiến thức đã học một cách có hệ thống, biết khắc sâu một số kiến thức đã học. - Xác định được kiến thức trọng tâm để ôn tập, Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn 2. Năng lực: - Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề: Tự giác ôn tập, giải quyết bài tập nội dung môn học. - Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi : Đánh giá và đưa ra phương pháp học tập phù hợp, hiệu quả. 3. Phẩm chất: - Tự chủ, tự tin, trung thực: Tích cực, tự giác ôn tập nội dung, kiến thức đã được học.	
18	Kiểm tra cuối học kì 2	1	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Năng lực:	

			- Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập. - Năng lực phát triển bản thân: Đánh giá được khả năng học tập của bản thân để có kế hoạch học tập phù hợp, hiệu quả. 3. Phẩm chất: - Trung thực: Nghiêm túc, tự giác học và làm bài kiểm tra. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong học tập bộ môn.	
20	Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	2	1. Kiến thức: - Nêu được khái niệm và vai trò của gia đình; quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình. - Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và của người khác - Thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể. 2. Năng lực: - Năng lực tự chủ và tự học: Biết khẳng định và bảo vệ quyền của bản thân phù hợp với quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình. - Năng lực điều chỉnh hành vi: + Phân tích đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình. + Tự điều chỉnh và nhắc nhở giúp đỡ người khác điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với quy định của pháp luật trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong gia đình. - Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Có khả năng tham gia một số hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể. 3. Phẩm chất: - Nhân ái: Biết quan tâm đến các thành viên trong gia đình; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình	Tích hợp quyền trẻ em: - Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện. - Trẻ em có quyền vui chơi, giải trí; được bình đẳng về cơ hội tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với độ tuổi. - Trẻ em có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Giáo dục bình đẳng giới - Luật bình đẳng giới 2006 - Lòng ghép QPAN: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của PL - GD đạo đức - Tiết học thư viện

			đình. - Trách nhiệm: Có ý thức làm tròn bổn phận với ông bà, cha mẹ,	
--	--	--	---	--

2. Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 (Tiết 9 KHDH)	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. 2. Năng lực: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập 3. Phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Tự giác học và làm bài kiểm tra. <i>Trách nhiệm:</i> Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra	Kiểm tra giấy (50% trắc nghiệm; 50% tự luận)
Cuối học kỳ 1	45 phút	Tuần 16 (tiết 16 KHDH)	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. 2. Năng lực: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập. 3. Phẩm chất:	Kiểm tra giấy (50% trắc nghiệm; 50% tự luận)

			- <i>Trung thực</i>: Tự giác học và làm bài kiểm tra. - <i>Trách nhiệm</i>: Hoàn thành tốt kiến thức, nội dung môn học.	
Giữa học kỳ 2	45 phút	Tuần 26 (tiết 26 KHDH)	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học. - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Năng lực: - <i>Năng lực điều chỉnh hành vi</i>: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - <i>Năng lực phát triển bản thân</i>: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập. 3. Phẩm chất: - <i>Trung thực</i>: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp. - <i>Trách nhiệm</i>: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra.	Kiểm tra giấy (50% trắc nghiệm; 50% tự luận)
Cuối học kỳ 2	45 phút	Tuần 33 (Tiết 33 KHDH)	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Năng lực: - <i>Năng lực điều chỉnh hành vi</i>: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập. - <i>Năng lực phát triển bản thân</i>: Đánh giá được khả năng học tập của bản thân để có kế hoạch học tập phù hợp, hiệu quả. 3. Phẩm chất: - <i>Trung thực</i>: Nghiêm túc, tự giác học và làm bài kiểm tra. - <i>Trách nhiệm</i>: Có trách nhiệm trong học tập bộ môn.	Kiểm tra giấy (50% trắc nghiệm; 50% tự luận)

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN GDCD KHỐI LỚP 8- BỘ SÁCH CÁNH DIỀU
(Năm học 2025 - 2026)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 07; **Số học sinh:** 313; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):** không; 01 HS khuyết tật nhìn, mức độ nặng. HSKT diện hòa nhập: giảm nhẹ đánh giá.

Biểu hiện: HS hỏng một bên mắt dùng mắt giả, quan sát khó khăn hơn so với các bạn.

Điểm mạnh: HS chăm ngoan, ý thức học tập tốt

Cần: Bố trí chỗ ngồi thuận lợi gần bảng, đảm bảo ánh sáng sử dụng chữ và hình ảnh phóng to hơn.

2. Tình hình đội ngũ: **Số giáo viên:** 02; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: không, Đại học: 02; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 02 ; Khá: không ; Đạt: không; Chưa đạt: không

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm, thực hành	Ghi chú
1	- Bộ tranh minh họa về các truyền thống tốt đẹp của quê hương - Bộ tranh về hình ảnh các di sản văn hóa, hình ảnh bạo lực học đường và các tệ nạn xã hội	1 bộ		
2	- Máy chiếu, video về các tấm gương người tốt, việc tốt, các tấm gương thể hiện thái độ học tập tự giác tích cực để đạt hiệu quả cao			

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
...				

II. Kế hoạch dạy học

2. Phân phối chương trình

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GDCD LỚP 8 – BỘ SÁCH CÁNH DIỀU

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (4)
			1. Kiến thức:	Tích hợp GD địa

1	Bài 1: Tự hào về truyền thống dân tộc	2	- Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Nhận biết được giá trị của các truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống của dân tộc. (Hạn chế yêu cầu HSTK quan sát hình ảnh, đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng) 2. Năng lực: - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận nhằm giới thiệu được một số truyền thống văn hóa, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc. - Điều chỉnh hành vi: + Đồng tình, ủng hộ những việc làm giữ gìn truyền thống tốt đẹp của quê hương; Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của dân tộc. + Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện một số hoạt động giữ gìn truyền thống tốt đẹp của dân tộc. - Năng lực phát triển bản thân: Lập kế hoạch thực hiện một việc là giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc và kiên trì thực hiện theo kế hoạch đã lập. 3. Phẩm chất: - Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động tìm hiểu truyền thống của dân tộc; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống dân tộc - Trách nhiệm: Sống có trách nhiệm thể hiện qua niềm tự hào về truyền thống và những giá trị quý báu của truyền thống dân tộc Việt Nam, phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của dân tộc.	phương: tự hào về truyền thống của dân tộc như yêu nước, đoàn kết .. gắn với truyền thống kỉ luật – đồng tâm của người dân đất Mỏ. - Quyền con người: quyền được giữ gìn bản sắc. - QPAN: Giáo dục lòng tự hào, tôn trọng dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. - GD đạo đức
---	--	---	--	---

2	Bài 2: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc	2	1. Kiến thức: - Nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. - Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. - Thể hiện được bằng lời nói và việc làm thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. <i>Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá.</i> (Hạn chế yêu cầu HSTK quan sát hình ảnh, đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng) 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về nền văn hóa các dân tộc. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến nền văn hóa các dân tộc trên thế giới. - Năng lực điều chỉnh hành vi: tích cực tìm hiểu để biết được những biểu hiện của sự đa dạng các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới, hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu về sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống trong thực tiễn có liên quan đến việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc. 3. Về phẩm chất - Nhân ái: Biểu hiện ở cả lời nói và việc làm đó là luôn luôn tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới - Trách nhiệm: Thể hiện ở sự tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.	Tích hợp Quyền con người: Quyền được giữ gìn, phát huy bản sắc, Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. - GD đạo đức
3		2	1. Kiến thức - Nêu được khái niệm căn cứ, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của căn cứ, sáng tạo trong lao động.	Tích hợp Quyền con người: bình đẳng giới, quyền được

	Bài 3: Lao động cần cù, sáng tạo	- Giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động. - Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân. Trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động. (Hạn chế yêu cầu HSTK quan sát hình ảnh, đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng) 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về lao động cần cù, sáng tạo. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến lao động cần cù, sáng tạo. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân; Trân trọng những thành quả lao động, quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; Phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc thực hiện cần cù, sáng tạo trong lao động hằng ngày. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến cần cù, sáng tạo trong lao động; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống phản ánh sự cần cù, sáng tạo trong lao động; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề liên quan đến thực hiện cần cù, sáng tạo trong lao động ở đời sống thực tế. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động lao động phù hợp với lứa tuổi. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong lao động.	phát triển, quyền nhóm XH dễ bị tổn thương - Thực hiện NQ 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia - GD đạo đức
--	--	--	---

4	Bài 4: Bảo vệ lễ phải	2	1. Kiến thức: - Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lễ phải. - Thực hiện được việc bảo vệ lễ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lễ phải; phê phán những thái độ, hành vi không bảo vệ lễ phải. (Hạn chế yêu cầu HSTK quan sát hình ảnh, đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng) 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ lễ phải. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến bảo vệ lễ phải. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc bảo vệ lễ phải bằng lời nói và hành động cụ thể phù hợp với lứa tuổi; Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lễ phải, phê phán thái độ, hành vi không bảo vệ lễ phải. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội về bảo vệ lễ phải; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về bảo vệ lễ phải trong đời sống thực tế; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề bảo vệ lễ phải trong một số tình huống cụ thể. 3. Phẩm chất - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân; tôn trọng lễ phải; bảo vệ điều hay, lễ phải trước mọi người; - Trách nhiệm: Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống	Tích hợp Quyền con người: Quyền được bảo vệ trong tổ tụng và xử lý vi phạm hành chính; quyền được tiếp cận thông tin và tham gia xã hội - GD đạo đức
			1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học.	

5	Kiểm tra giữa học kì 1	1	- Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống (đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng) 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập 3. Phẩm chất: - Trung thực: Tự giác học và làm bài kiểm tra. - Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra * Xây dựng biểu điểm đánh giá riêng cho HSKT (phần chấm điểm - phần nhận xét)	
6	Bài 4: Bảo vệ lễ phải	1	1. Kiến thức: - Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lễ phải. - Thực hiện được việc bảo vệ lễ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lễ phải; phê phán những thái độ, hành vi không bảo vệ lễ phải. (Hạn chế yêu cầu HSTK quan sát hình ảnh, đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng) 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ lễ phải. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến bảo vệ lễ phải. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc bảo vệ lễ phải bằng lời nói và hành động cụ thể phù hợp với lứa tuổi; Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lễ phải, phê phán thái độ, hành vi không bảo vệ lễ phải.	Tích hợp Quyền con người: Quyền được bảo vệ trong tổ tụng và xử lý vi phạm hành chính; quyền được tiếp cận thông tin và tham gia xã hội - Phòng chống tham nhũng - GD đạo đức -Tiết học trực tuyến

			- Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội về bảo vệ lẽ phải; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về bảo vệ lẽ phải trong đời sống thực tế; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề bảo vệ lẽ phải trong một số tình huống cụ thể. 3. Phẩm chất - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân; tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người; - Trách nhiệm: Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống	
7	Bài 5: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên	3	1. Kiến thức: - Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Nêu được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi. Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên. (Hạn chế yêu cầu HSTK quan sát hình ảnh, đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng) 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.	Tích hợp Quyền con người: Quyền được bảo vệ và sống trong môi trường trong lành, hưởng và duy trì tiêu chuẩn sống thích đáng - GD đạo đức Tham gia hoạt động bảo vệ môi trường

			- Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi; Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc tham gia bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Lập và thực hiện được kế hoạch bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở địa phương. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong đời sống thực tế. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên phù hợp với lứa tuổi. - Trách nhiệm: Trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.	
8	Bài 6: Phòng, chống bạo lực gia đình	1	1. Kiến thức: - Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến. - Phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội. - Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình. (Hạn chế yêu cầu HSTK quan sát hình ảnh, đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng) 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về phòng chống bạo lực gia đình. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến phòng chống bạo lực gia đình. - Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích đánh giá được một số hiện	Tích hợp Quyền con người: quyền dân sự, quyền đối với nhóm XH dễ bị tổn thương: quyền được chăm sóc, sức khỏe; quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng; quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu.... - GD đạo đức Tiết học thư viện

			tượng bạo lực gia đình trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống, tham gia các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trong thực tiễn. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Chủ động tích cực tham gia vào các hoạt động để phòng, chống bạo lực gia đình 3. Phẩm chất - Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe của người khác; không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xúy, không tham gia các hành vi bạo lực gia đình - Trách nhiệm: Trung thực, trách nhiệm, dũng cảm đấu tranh phòng, chống các hành vi bạo lực trong gia đình và cộng đồng.	
9	Ôn tập học kì 1	1	1. Kiến thức: - Biết được những kiến thức đã học về chuẩn mực đạo đức. - Hiểu được ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội - Củng cố các kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 6 (đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng HSKT) 2. Năng lực: - Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề: Chủ động, tự giác giải quyết bài tập, câu hỏi, xây dựng đề cương ôn tập. - Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi: Điều chỉnh và đưa ra phương pháp ôn tập hiệu quả, phù hợp. 3. Phẩm chất: - Tự chủ, tự tin, trung thực: Tự giác, trung thực làm bài kiểm tra.	
10	Kiểm tra cuối học kì 1	1	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống (đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng). 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói	

			quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập. 3. Phẩm chất: - Trung thực: Tự giác học và làm bài kiểm tra. - Trách nhiệm: Hoàn thành tốt kiến thức, nội dung môn học. * Xây dựng biểu điểm đánh giá riêng cho HSKT (phần chấm điểm - phần nhận xét)	
11	Bài 6: Phòng, chống bạo lực gia đình	2	1. Kiến thức: - Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến. - Phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội. - Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình. (Hạn chế yêu cầu HSTK quan sát hình ảnh, đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng) 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về phòng chống bạo lực gia đình. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến phòng chống bạo lực gia đình. - Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích đánh giá được một số hiện tượng bạo lực gia đình trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống, tham gia các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trong thực tiễn. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Chủ động tích cực tham gia vào các hoạt động để phòng, chống bạo lực gia đình 3. Phẩm chất - Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe của người khác; không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xúy, không tham gia các hành vi bạo lực gia đình	Tích hợp Quyền con người: quyền dân sự, quyền đối với nhóm XH dễ bị tổn thương: quyền được chăm sóc, sức khỏe; quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng; quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu.... Giáo dục bình đẳng giới - Luật bình đẳng giới 2006 - Lòng ghép QPAN: tác hại của TNXH tác động đến mọi mặt đời sống xã hội - GD đạo đức

			-Trách nhiệm: Trung thực, trách nhiệm, dũng cảm đấu tranh phòng, chống các hành vi bạo lực trong gia đình và cộng đồng.	
12	Bài 7: Xác định mục tiêu cá nhân	3	1. Kiến thức: - Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân. - Hiểu vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân. - Nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. - Xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó. (Hạn chế yêu cầu HSTK quan sát hình ảnh, đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng) 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân; Xây dựng được mục tiêu của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về xác định mục tiêu cá nhân; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về xác định mục tiêu cá nhân; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề về xác định mục tiêu cá nhân trong đời sống thực tế. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi - Trách nhiệm: Có trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực	- GD đạo đức

			hiện mục tiêu cá nhân.	
13	Bài 8: Lập kế hoạch chi tiêu	3	1. Kiến thức: - Nhận biết được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu. - Nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu. - Lập được kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lí. - Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lí. (Hạn chế yêu cầu HSTK quan sát hình ảnh, đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng) 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân; Xây dựng được mục tiêu của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về xác định mục tiêu cá nhân; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về xác định mục tiêu cá nhân; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề về xác định mục tiêu cá nhân trong đời sống thực tế. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi - Trách nhiệm: Trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.	- GD đạo đức
14	Bài 9: Phòng, ngừa	1	1. Kiến thức:	Tích hợp Quyền con

	tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại	- Kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại. - Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại. - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Nhắc nhở, tuyên truyền người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. (Hạn chế yêu cầu HSTK quan sát hình ảnh, đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng) 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Có thói quen tự bảo vệ bản thân, tuyên truyền vận động mọi người cùng nâng cao cảnh giác để phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống, tham gia các hoạt động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại trong đời sống thực tiễn. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm: Trong phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi sử dụng vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người khác	người: quyền được sống, quyền được bảo vệ. Quyền được hưởng tiêu chuẩn cao nhất về sức khỏe. - GD đạo đức -Tiết học trực tuyến
--	--	--	--

15	Kiểm tra giữa học kì 2	1	1. Kiến thức - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh (đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng). 2. Năng lực - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập 3. Phẩm chất: - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp - Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra * Xây dựng biểu điểm đánh giá riêng cho HSKT (phần chấm điểm - phần nhận xét)	
16	Bài 9: Phòng, ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại	3	1. Kiến thức: - Kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại. - Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại. - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Nhắc nhở, tuyên truyền người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.	Tích hợp Quyền con người: quyền được sống, quyền được bảo vệ. Quyền được hưởng tiêu chuẩn cao nhất về sức khỏe. - GD đạo đức

			(Hạn chế yêu cầu HSTK quan sát hình ảnh, đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng) 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Có thói quen tự bảo vệ bản thân, tuyên truyền vận động mọi người cùng nâng cao cảnh giác đề phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống, tham gia các hoạt động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại trong đời sống thực tiễn. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm: Trong phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi sử dụng vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người khác	
17	Bài 10: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân	2	1. Kiến thức: - Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người. - Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên. - Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động; lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động. - Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp lứa tuổi. (Hạn chế yêu cầu HSTK quan sát hình ảnh, đánh giá mức độ nhận biết,	Tích hợp Quyền con người: Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động; Quyền được tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội. Quyền được lao động, quyền được đảm bảo an sinh xã

			thông hiểu và vận dụng) 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến quyền, nghĩa vụ lao động của công dân. - Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được thái độ, hành vi lao động của bản thân trong đời sống thực tế; Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch khắc phục, cải thiện những điểm chưa tốt, chưa phù hợp trong lao động của bản thân. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số hiện tượng về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống trong thực tiễn có liên quan đến quyền và nghĩa vụ lao động của công dân. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp với lứa tuổi - Trách nhiệm: Thực hiện tốt mọi quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân, lao động chưa thành niên, quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động.	hội. Giáo dục bình đẳng giới - Luật bình đẳng giới 2006 - GD đạo đức
18	Ôn tập học kì 2	1	1. Kiến thức: - Giúp HS nắm kiến thức đã học một cách có hệ thống, biết khắc sâu một số kiến thức đã học. - Xác định được kiến thức trọng tâm để ôn tập, Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn (đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng) 2. Năng lực: - Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề: Tự giác ôn tập, giải quyết bài tập nội dung môn học. - Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi : Đánh giá và đưa ra phương pháp học tập phù hợp, hiệu quả.	

			3. Phẩm chất: - Tự chủ, tự tin, trung thực: Tích cực, tự giác ôn tập nội dung, kiến thức đã được học.	
19	Kiểm tra học kì 2	1	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh (đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng). 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập. - Năng lực phát triển bản thân: Đánh giá được khả năng học tập của bản thân để có kế hoạch học tập phù hợp, hiệu quả. 3. Phẩm chất: - Trung thực: Nghiêm túc, tự giác học và làm bài kiểm tra. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong học tập bộ môn. * Xây dựng biểu điểm đánh giá riêng cho HSKT (phần chấm điểm - phần nhận xét)	
20	Bài 10: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân	2	1. Kiến thức: - Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người. - Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên. - Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động; lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động. - Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp lứa tuổi. (Hạn chế yêu cầu HSTK quan sát hình ảnh, đánh giá mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng) 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân.	Tích hợp Quyền con người: Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động; Quyền được tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội. Quyền được lao động, quyền được đảm bảo an sinh xã hội. - GD đạo đức -Tiết học thư viện

		- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến quyền, nghĩa vụ lao động của công dân. - Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được thái độ, hành vi lao động của bản thân trong đời sống thực tế; Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch khắc phục, cải thiện những điểm chưa tốt, chưa phù hợp trong lao động của bản thân. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số hiện tượng về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống trong thực tiễn có liên quan đến quyền và nghĩa vụ lao động của công dân. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp với lứa tuổi - Trách nhiệm: Thực hiện tốt mọi quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân, lao động chưa thành niên, quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động.	
--	--	--	--

2. Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 (Tiết 9 KHDH)	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. 2. Năng lực: - <i>Năng lực điều chỉnh hành vi</i>: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - <i>Năng lực phát triển bản thân</i>: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập	Kiểm tra giấy (50% trắc nghiệm; 50% tự luận)

			3. Phẩm chất: - <i>Trung thực:</i> Tự giác học và làm bài kiểm tra. - <i>Trách nhiệm:</i> Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra <i>* Xây dựng biểu điểm đánh giá riêng cho HSKT mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng (Phần chấm điểm-Phần nhận xét) đối với HSKT</i>	
Cuối học kỳ 1	45 phút	Tuần 16 (tiết 16 KHDH)	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. 2. Năng lực: - <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập. 3. Phẩm chất: - <i>Trung thực:</i> Tự giác học và làm bài kiểm tra. - <i>Trách nhiệm:</i> Hoàn thành tốt kiến thức, nội dung môn học. <i>* Xây dựng biểu điểm đánh giá riêng cho HSKT mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng (Phần chấm điểm-Phần nhận xét) đối với HSKT</i>	Kiểm tra giấy (50% trắc nghiệm; 50% tự luận)
Giữa học kỳ 2	45 phút	Tuần 26 (tiết 26 KHDH)	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học. - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Năng lực: - <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống,	Kiểm tra giấy (50% trắc nghiệm; 50% tự luận)

			hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - <i>Năng lực phát triển bản thân</i>: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập. 3. Phẩm chất: - <i>Trung thực</i>: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp. - <i>Trách nhiệm</i>: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra. <i>* Xây dựng biểu điểm đánh giá riêng cho HSKT mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng (Phần chấm điểm-Phần nhận xét) đối với HSKT</i>	
Cuối học kỳ 2	45 phút	Tuần 33 (Tiết 33 KHDH)	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Năng lực: - <i>Năng lực điều chỉnh hành vi</i>: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập. - <i>Năng lực phát triển bản thân</i>: Đánh giá được khả năng học tập của bản thân để có kế hoạch học tập phù hợp, hiệu quả. 3. Phẩm chất: - <i>Trung thực</i>: Nghiêm túc, tự giác học và làm bài kiểm tra. - <i>Trách nhiệm</i>: Có trách nhiệm trong học tập bộ môn. <i>* Xây dựng biểu điểm đánh giá riêng cho HSKT mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng (Phần chấm điểm-Phần nhận xét) đối với HSKT</i>	Kiểm tra giấy (50% trắc nghiệm; 50% tự luận)

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN GD CD KHỐI LỚP 9- BỘ SÁCH CÁNH DIỀU
(Năm học 2025 - 2026)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 05; **Số học sinh:** 218; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có): không

2. Tình hình đội ngũ: **Số giáo viên:** 02; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: không, Đại học: 02; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 02; Khá: không ; Đạt: không; Chưa đạt: không

3. Thiết bị dạy học: *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm, thực hành	Ghi chú

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
...				

II. Kế hoạch dạy học

3. Phân phối chương trình

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GD CD LỚP 9 – BỘ SÁCH CÁNH DIỀU

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (4)
1	Bài 1: Sống có lý tưởng	2	1. Kiến thức: - Nêu được khái niệm sống có lý tưởng. - Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lý tưởng. - Nhận biết được lý tưởng sống của thanh niên Việt Nam. - Xác định được lý tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lý tưởng. 2. Năng lực: - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản giúp mỗi cá nhân biết sống có lý tưởng.	- GD truyền thống và LS Đảng bộ địa phương. - Tích hợp Quyền con người: khái niệm quyền con người và đấu tranh bảo vệ quyền con người. - Lồng ghép QPAN: Trách nhiệm của học sinh tham

			- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các lý tưởng cao đẹp của bản thân. - Năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân: Xác định được lý tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lý tưởng. 3. Phẩm chất: Yêu nước: Tích cực học tập, lao động, rèn luyện sức khỏe, tham gia các hoạt động tập thể, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, dân tộc.	gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc. -Tiết học trực tuyến - GD đạo đức
2	Bài 2: Khoan dung	2	1. Kiến thức: - Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung. - Nhận biết được giá trị của khoan dung. - Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung. 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khoan dung. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến khoan dung. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung. 3. Phẩm chất - Nhân ái: Có lòng khoan dung, độ lượng, vị tha trong cuộc sống. - Có phẩm chất trách nhiệm thể hiện ở sự khoan dung, tha thứ với những sai lầm của người khác để cùng nhau sống tốt đẹp hơn.	Tích hợp Quyền con người: Quyền không bị bắt làm nô lệ và nô dịch; Quyền không bị tra tấn, nhục hình, bị đối xử hoặc chịu hình phạt tàn nhẫn vô nhân đạo; Quyền không phân biệt đối xử - GD đạo đức
3	Bài 3: Tích cực	3	1. Kiến thức: -Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng. -Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng.	- Tích hợp Quyền con người: Tích hợp với nhóm quyền tham gia của trẻ em. Cụ thể: + Trẻ em có quyền tiếp

	tham gia các hoạt động cộng đồng		- Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng. - Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức. - Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng. 2. Năng lực - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công khi tham gia vào hoạt động cộng đồng. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan khi tham gia vào hoạt động cộng đồng. - Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân. Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức. 3. Phẩm chất - Nhân ái và trách nhiệm trong việc tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng - Chăm chỉ: Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động cộng đồng phù hợp với lứa tuổi. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng.	cận thông tin và tham gia các hoạt động vì cộng đồng + Trẻ em có quyền đóng góp ý kiến để xây dựng cộng đồng + Trẻ em có quyền tham gia các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng. - Lòng ghép QPAN: một số hình ảnh về phát triển kinh tế, xã hội đảm bảo QPAN. - Tham gia hoạt động bảo vệ môi trường - GD đạo đức
5	Bài 4: Khách quan và công bằng	1	1. Kiến thức: - Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng. - Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng. - Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày. - Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng. 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khách quan, công bằng. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến	Tích hợp Quyền con người: Quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật - GD đạo đức

			khách quan, công bằng. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội về khách quan và công bằng; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về khách quan và công bằng trong đời sống thực tế; 3. Phẩm chất - Trung thực: Có thái độ và hành động khách quan, công bằng trong cuộc sống. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống.	
4	Kiểm tra giữa học kì 1	1	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học. - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập 3. Phẩm chất: - Trung thực: Tự giác học và làm bài kiểm tra. - Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra.	

5	Bài 4: Khách quan và công bằng	1	1. Kiến thức: - Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng. - Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng. - Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày. - Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng. 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khách quan, công bằng. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến khách quan, công bằng. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội về khách quan và công bằng; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về khách quan và công bằng trong đời sống thực tế; 3. Phẩm chất - Trung thực: Có thái độ và hành động khách quan, công bằng trong cuộc sống. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống.	Tích hợp Quyền con người: Quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật - GD đạo đức
6	Bài 5: Bảo vệ hoà bình	2	1. Kiến thức: - Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình. - Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình. - Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. - Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ	Tích hợp Quyền con người: Một số quyền như + Quyền bình đẳng và hợp tác giữa các quốc gia + Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo

			hoà bình. - Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa. 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ hoà bình. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận biết được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình; Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình; phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa. 3. Phẩm chất - Yêu nước, nhân ái và trách nhiệm trong việc bảo vệ hoà bình. - Chăm chỉ, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động việc bảo vệ hoà bình phù hợp với lứa tuổi. - Có trách nhiệm trong việc việc bảo vệ hoà bình.	+ Quyền được bảo vệ không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục + Quyền tự do đi lại, cư trú + Quyền tự do lập hội và hội họp một cách hòa bình + Quyền được hưởng và duy trì tiêu chuẩn sống thích đáng + Quyền được bảo đảm an sinh xã hội + Quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang + Quyền được bảo vệ để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt. - Lòng ghép QPAN: Hậu quả của các cuộc chiến tranh xâm lược đối với Việt Nam. Trách nhiệm của hs tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc. - GD đạo đức
7	Bài 6: Quản lý thời gian hiệu quả	2	1. Kiến thức: - Hiểu được thế nào là quản lý thời gian hiệu quả. - Nhận biết được sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả. - Nêu được cách quản lý thời gian hiệu quả.	- GD đạo đức

			- Thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả. 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quản lí thời gian hiệu quả. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến việc quản lí thời gian hiệu quả - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong quản lí thời gian hiệu quả - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về quản lí thời gian hiệu quả; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về quản lí thời gian cá nhân - Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận thức được những ưu tiên trong cuộc sống, những việc cần làm và những việc muốn làm để có thể sắp xếp thời gian và công việc một cách hợp lí. Thiết lập được thời gian biểu phù hợp để thực hiện được các mục tiêu cá nhân. 3. Phẩm chất - Có trách nhiệm trong việc quản lí thời gian để đạt hiệu quả trong học tập, công việc và cuộc sống. - Chăm chỉ, luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi - Có trách nhiệm trong việc xác định quản lí thời gian cá nhân	
8	Ôn tập học kì 1	1	1. Kiến thức: - Biết được những kiến thức đã học về chuẩn mực đạo đức. - Hiểu được ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội - Củng cố các kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 6. 2. Năng lực: - Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề: Chủ động, tự giác giải quyết	

			bài tập, câu hỏi, xây dựng đề cương ôn tập. - Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi: Điều chỉnh và đưa ra phương pháp ôn tập hiệu quả, phù hợp. 3. Phẩm chất: - Tự chủ, tự tin, trung thực: Tự giác, trung thực làm bài kiểm tra.	
9	Kiểm tra cuối học kì 1	1	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập. 3. Phẩm chất: - Trung thực: Tự giác học và làm bài kiểm tra. - Trách nhiệm: Hoàn thành tốt kiến thức, nội dung môn học.	
10	Bài 6: Quản lý thời gian hiệu quả	1	1. Kiến thức: - Hiểu được thế nào là quản lý thời gian hiệu quả. - Nhận biết được sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả. - Nêu được cách quản lý thời gian hiệu quả. - Thực hiện được kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả. 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quản lý thời gian hiệu quả. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến việc quản lý thời gian hiệu quả - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm	- GD đạo đức

			mạnh, điểm yếu của bản thân trong quản lí thời gian hiệu quả - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về quản lí thời gian hiệu quả; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về quản lí thời gian cá nhân - Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận thức được những ưu tiên trong cuộc sống, những việc cần làm và những việc muốn làm để có thể sắp xếp thời gian và công việc một cách hợp lí. Thiết lập được thời gian biểu phù hợp để thực hiện được các mục tiêu cá nhân. 3. Phẩm chất - Có trách nhiệm trong việc quản lí thời gian để đạt hiệu quả trong học tập, công việc và cuộc sống. - Chăm chỉ, luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi - Có trách nhiệm trong việc xác định quản lí thời gian cá nhân	
11	Bài 7: Thích ứng với thay đổi	4	1. Kiến thức: - Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình. - Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống. - Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. - Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân. 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thích ứng với thay đổi. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thích ứng với thay đổi. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:	Tích hợp Quyền con người: + Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc => xảy ra bạo lực, bị bỏ rơi bỏ mặc (là khả năng có thể xảy ra trong cuộc sống của bất cứ ai) + Quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục => bị xâm hại tình dục (là khả năng có thể xảy ra trong cuộc sống của bất cứ ai) + Quyền bí mật đời sống riêng tư => bị vi phạm bí mật đời sống

			Chủ động tích cực tham gia vào các hoạt động thích ứng với thay đổi - Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận biết và điều chỉnh để thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động cơ bản, cần thiết để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống. 3. Phẩm chất Trách nhiệm: Có trách nhiệm với cuộc sống của bản thân và những người xung quanh, hỗ trợ người gặp khó khăn trước những thay đổi trong hoàn cảnh sống. Nhân ái: Trân trọng những giá trị hiện tại, tích cực chủ động tìm hiểu để điều chỉnh hành vi cho phù hợp.	riêng tư (là khả năng có thể xảy ra trong cuộc sống của bất cứ ai) - GD đạo đức
12	Bài 8: Tiêu dùng thông minh	3	1. Kiến thức: - Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh. - Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh. - Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...). -Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể. - Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh. 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về tiêu dùng thông minh. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến tiêu dùng thông minh.	Tích hợp Quyền con người: Liên hệ được ý nghĩa của việc tiêu dùng thông minh trong việc bảo đảm các quyền cơ bản của con người: + Quyền về sức khỏe + Quyền sở hữu tài sản - GD đạo đức

			- Năng lực điều chỉnh hành vi: Đánh giá được hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh. - Năng lực phát triển bản thân: Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, học hỏi những hành vi tiêu dùng thông minh trong đời sống xã hội; khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện tiêu dùng thông minh và giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.	
13	Bài 9: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	1	1. Kiến thức: - Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể. Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong đời sống thực tiễn. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được các hành	Tích hợp Quyền con người: Phân tích khách thể của một số hành vi vi phạm pháp luật: quyền được sống (tội giết người, vô ý làm chết người), quyền sở hữu (trộm cắp tài sản, hủy hoại tài sản)... - Phòng chống tham nhũng - Giáo dục ATGT -Tiết học trực tuyến - GD đạo đức

			vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể; nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm: Có thái độ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, có ý thức tích cực trong việc ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. - Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi vi phạm pháp luật	
14	Kiểm tra giữa học kì 2	1	1. Kiến thức - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. 2. Năng lực - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập 3. Phẩm chất: - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp - Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra	
15	Bài 9: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	3	1. Kiến thức: - Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể. - Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu	Tích hợp Quyền con người: Phân tích khách thể của một số hành vi vi phạm pháp luật: quyền được sống (tội giết người, vô ý làm chết người), quyền sở hữu (trộm cắp tài sản, hủy

			tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong đời sống thực tiễn. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể; nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm: Có thái độ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, có ý thức tích cực trong việc ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. - Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi vi phạm pháp luật.	hoại tài sản)... - Tích hợp phòng chống tham nhũng - Giáo dục ATGT: Xác định loại vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính - GD đạo đức
16	Bài 10: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	2	1.Kiến thức: - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế. - Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế. - Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế. - Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế. 2. Phẩm chất	Tích hợp Quyền con người: Quyền bình đẳng trong kinh doanh. Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động. thực hiện quy định cơ bản của PL về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế. Tiết học thư viện

			- Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.. - Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được thái độ, hành vi lao động của bản thân trong đời sống thực tế; Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch khắc phục, cải thiện những điểm chưa tốt, chưa phù hợp trong lao động của bản thân. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động tham gia tìm hiểu các hoạt động liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế phù hợp với lứa tuổi - Trách nhiệm: trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế, tích cực vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	- GD đạo đức
17	Ôn tập học kì 2	1	1. Kiến thức: - Giúp HS nắm kiến thức đã học một cách có hệ thống, biết khắc sâu một số kiến thức đã học. - Xác định được kiến thức trọng tâm để ôn tập, vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn. 2. Năng lực: - Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề: Tự giác ôn tập, giải quyết bài tập nội dung môn học. - Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi : Đánh giá và đưa ra phương pháp học tập phù hợp, hiệu quả.	

			3. Phẩm chất: - Tự chủ, tự tin, trung thực: Tích cực, tự giác ôn tập nội dung, kiến thức đã được học.	
18	Kiểm tra học kì 2	1	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập. - Năng lực phát triển bản thân: Đánh giá được khả năng học tập của bản thân để có kế hoạch học tập phù hợp, hiệu quả. 3. Phẩm chất: - Trung thực: Nghiêm túc, tự giác học và làm bài kiểm tra. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong học tập bộ môn.	
19	Bài 10: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	2	1. Kiến thức: - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế. - Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế. - Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế. - Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế. 2. Phẩm chất - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế ... - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế..	Tích hợp Quyền con người: Quyền bình đẳng trong kinh doanh. Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động. thực hiện quy định cơ bản của PL về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế. Giáo dục bình đẳng giới - Luật bình đẳng giới 2006 - Tiết học thư viện - GD đạo đức

		- Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được thái độ, hành vi lao động của bản thân trong đời sống thực tế; Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch khắc phục, cải thiện những điểm chưa tốt, chưa phù hợp trong lao động của bản thân. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động tham gia tìm hiểu các hoạt động liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế phù hợp với lứa tuổi - Trách nhiệm: trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế, tích cực vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	
--	--	---	--

2. Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 (Tiết 9 KHDH)	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. 2. Năng lực: - <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập 3. Phẩm chất: - <i>Trung thực:</i> Tự giác học và làm bài kiểm tra.	Kiểm tra giấy (50% trắc nghiệm; 50% tự luận)

			- <i>Trách nhiệm</i> : Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra	
Cuối học kỳ 1	45 phút	Tuần 16 (tiết 16 KHDH)	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. 2. Năng lực: - <i>Năng lực điều chỉnh hành vi</i> : Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - <i>Năng lực phát triển bản thân</i> : Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập. 3. Phẩm chất: - <i>Trung thực</i> : Tự giác học và làm bài kiểm tra. - <i>Trách nhiệm</i> : Hoàn thành tốt kiến thức, nội dung môn học. - <i>Chăm chỉ</i> : hoàn thành yêu cầu của đề	Kiểm tra giấy (50% trắc nghiệm; 50% tự luận)
Giữa học kỳ 2	45 phút	Tuần 26 (tiết 26 KHDH)	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học. - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Năng lực: - <i>Năng lực điều chỉnh hành vi</i> : Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. - <i>Năng lực phát triển bản thân</i> : Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập. 3. Phẩm chất: - <i>Trung thực</i> : Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều	Kiểm tra giấy (50% trắc nghiệm; 50% tự luận)

			chỉnh cho phù hợp. - <i>Trách nhiệm:</i> Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra.	
Cuối học kỳ 2	45 phút	Tuần 33 (Tiết 33 KHDH)	1. Kiến thức: - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Năng lực: - <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập. - <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Đánh giá được khả năng học tập của bản thân để có kế hoạch học tập phù hợp, hiệu quả. 3. Phẩm chất: - <i>Trung thực:</i> Nghiêm túc, tự giác học và làm bài kiểm tra. - <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm trong học tập bộ môn.	Kiểm tra giấy (50% trắc nghiệm; 50% tự luận)

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....

.....

.....

TỔ TRƯỞNG



Đỗ Thị Bích Phượng

Cầm Phả, ngày 28 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bắc